

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2025
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin;
2. Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 487/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Long An)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Long An).

(Bà H có đơn đề nghị vắng mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 24/4/2025, nguyên đơn bà Lê Ngọc H trình bày: bà Lê Ngọc H và ông Nguyễn Văn T có tìm hiểu nhau và sau đó đi đến hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 18/9/2008. Thời gian đầu chung sống vợ chồng tương đối hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, tình cảm rạn nứt, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả.

Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì quan hệ hôn nhân nên bà Lê Ngọc H khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Bà Lê Ngọc H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 08/12/2006 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết); Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 25/4/2017. Sau khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 25/4/2017, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho ông Nguyễn Văn T theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Nguyễn Văn T biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với bà Lê Ngọc H nhưng ông Nguyễn Văn T không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của bà Lê Ngọc H và xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Lê Ngọc H bận việc nên có đơn đề nghị xử vắng mặt. Tòa án quyết định xử vắng mặt nguyên đơn quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (xã Đ, tỉnh Tây Ninh). Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh) thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về tố tụng: Bà Lê Ngọc H bận việc nên có đơn đề nghị xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo qui định khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân bà Lê Ngọc H, ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 18/9/2008 nên hôn nhân giữa bà Lê Ngọc H với ông Nguyễn Văn T là hợp pháp theo qui định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Ngọc H đối với ông Nguyễn Văn T: bà Lê Ngọc H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống

và công việc, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Nay bà Lê Ngọc H thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với bà Lê Ngọc H nhưng ông Nguyễn Văn T không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải cho thấy ông Nguyễn Văn T không có thiện chí hàn gắn. Từ đó, Hội đồng xét xử xét hôn nhân giữa bà Lê Ngọc H với ông Nguyễn Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng nên bà Lê Ngọc H yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. *Về con chung*: Bà Lê Ngọc H trình bày trong quá trình chung sống giữa bà Lê Ngọc H với ông Nguyễn Văn T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 08/12/2006 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 25/4/2017. Sau khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 25/4/2017, con chung đang sống với bà Lê Ngọc H. Khi ly hôn, bà Lê Ngọc H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, con chung Nguyễn Thành Đ đang chung sống ổn định với bà Lê Ngọc H và có B tự khai muốn sống với bà Lê Ngọc H. Ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày đối với vấn đề con chung. Do đó, Hội đồng xét xử thấy bà Lê Ngọc H yêu cầu trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thành Đ là phù hợp quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[2.3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà Lê Ngọc H không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con, không trái với các qui định tại các Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX ghi nhận.

[2.4]. *Về tài sản chung*: bà Lê Ngọc H xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. *Về nợ chung*: bà Lê Ngọc H xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tình cảm, con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa bà Lê Ngọc H và ông Nguyễn Văn T có phát sinh tranh chấp về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện để giải quyết trong một vụ án khác.

[3]. *Về án phí*: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn bà Lê Ngọc H phải chịu án phí ly hôn sung Ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Ngọc H đối với ông Nguyễn Văn T.

Bà Lê Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Bà Lê Ngọc H với ông Nguyễn Văn T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 08/12/2006 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 25/4/2017. Khi ly hôn, bà Lê Ngọc H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 25/4/2017 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì bà Lê Ngọc H không yêu cầu.

4. Về quyền chăm sóc con chung: Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

5. Về tài sản chung: Bà Lê Ngọc H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

6. Về nợ chung: Bà Lê Ngọc H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

7. Về án phí: Bà Lê Ngọc H phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí bà Lê Ngọc H đã nộp theo biên lai số 0006776 ngày 24/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Tây Ninh) sang án phí để thi hành. Bà Lê Ngọc H đã nộp xong.

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Linh D1